

Số: 45 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá hoa màu, mật độ cây trồng ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 và Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc ban hành kèm theo Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 107/TTr-SNNPTNT ngày 30/5/2017,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá hoa màu, mật độ cây trồng ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

*B<sub>2</sub>*

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Mục II, Phụ lục I (Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận):

a) Sửa đổi một số nội dung tại Số thứ tự 17, 41, 42 như sau:

STT	Loại cây	Đơn vị tính	Loại mới trồng	Loại chưa thu hoạch	Loại thu hoạch	Loại già cỗi
17	Táo Thái Lan, táo lai	đồng/cây	36.000	108.000	150.000	100.000
41	Cây nho đỏ	đồng/cây	60.000	160.000	240.000	50.000
42	Cây nho xanh	đồng/cây	60.000	160.000	325.000	50.000

b) Bổ sung đơn giá giàn nho, giàn táo:

- Khu vực 1 (thành phố Phan Rang Tháp Chàm):

+ Giàn nho: 177.486.000 đồng/ha, tương đương 17.748 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Giàn táo: 133.038.000 đồng/ha, tương đương 13.304 đồng/m<sup>2</sup>.

- Khu vực 2 (các huyện Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn):

+ Giàn nho: 187.112.000 đồng/ha, tương đương 18.711 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Giàn táo: 145.781.000 đồng/ha, tương đương 14.578 đồng/m<sup>2</sup>.

- Khu vực 3 (các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Bác Ái):

+ Giàn nho: 161.020.000 đồng/ha, tương đương 16.102 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Giàn táo: 126.671.000 đồng/ha, tương đương 12.667 đồng/m<sup>2</sup>.

- Trong quá trình bồi thường giá trị giàn nho, giàn táo, ngoài các chi phí trên, tính bổ sung thêm 2% tổng mức chi phí vật liệu cho những vật liệu phụ, vật liệu khác phát sinh trong quá trình làm giàn.

2. Bãi bỏ nội dung Khoản 1 phần ghi chú của Phụ lục I.

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III (mật độ cây trồng):

a) Sửa đổi nội dung tại Số thứ tự 28 như sau:

STT	Loại cây	Đơn vị tính	Mật độ cây
28	Cây chuối, sầu	Cây/ha	2.500

b) Bãi bỏ nội dung tại Số thứ tự 15, 16 và 29.

c) Mật độ cây nho xanh, nho đỏ, cây táo được tính theo thực tế, phù hợp với tập quán canh tác tại địa phương nhưng tối đa không quá 2.500 cây/ha đối với cây nho xanh; 3.000 cây/ha đối với cây nho đỏ; 1.000 cây/ha đối với cây táo Thái Lan, táo lai; 1.335 cây/ha đối với các loại táo ăn trái khác.

**Điều 2.** Bãi bỏ nội dung tại Số thứ tự 46, Mục C, Phụ lục I (Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc) ban hành kèm theo Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 3.** Các nội dung không sửa đổi, bổ sung trong Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 về việc ban hành

bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 về việc quy định giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ pháp chế (Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, Khối NC-TH;;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh